

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2019/HSST

Ngày: 27/02/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – TP CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Huệ**.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Dương Minh Dũng
 2. Ông Nguyễn Tấn Triều
- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Đức** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Hữu Hưng**
- Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 25- 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 319/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

DƯ QUANG N, sinh năm 1955, tại: Cần Thơ.

HKTT: 3/2 ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dư Quang T (c) và bà Huỳnh Thị A (s); Vợ: Phạm Thị P, sinh năm 1961; Con: Dư Thành N (sn 1980), Dư Thị Mỹ T (sn 1982) và Dư Thị Mỹ K (sn 1985)

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt ngày: 12/3/2018, hiện đang bị tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa của bị cáo: **LS. Đỗ Vinh Q** – Văn phòng Luật sư Vinh Q – Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt)

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Nguyễn Tây Đ** – sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

2. **Dư Thành N** – sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

3. **Nguyễn Hồng P** – sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

4. **Hà Thị Anh Đ** – sinh năm 1972.

Địa chỉ: 79/7 H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

5. **Vương Ngọc G** – sinh năm 1980.

Địa chỉ: 286/54 đường C, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

6. **Trần Văn D** – sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

7. **Trần Hoài N** – sinh năm 1955.

Địa chỉ: 5/3 khu vực 2, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

8. **Nguyễn Văn D** – sinh năm 1961.

Địa chỉ: 256/58/11 đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

9. **Lê Thị T** – sinh năm 1954.

Địa chỉ: 36C đường 3/2, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

10. **Nguyễn Thị T** – sinh năm 1948.

Địa chỉ: 119 đường T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

11. **Lưu Văn H** – sinh năm 1965.

Địa chỉ: 315 khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

12. **Nguyễn Việt T** – sinh năm 1971.

Địa chỉ: 151/16 đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

13. **Võ Minh T** - sinh năm 1976.

Địa chỉ: 256/17/9 đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

14. **Nguyễn Hiếu T** – sinh năm 1970.

Địa chỉ: 203 đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

15. **Trần Minh K** – sinh năm 1970.

Địa chỉ: 108/49/4 đường 30/4, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

16. **Trần Văn T** – sinh năm 1959.

Địa chỉ: 83A đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

17. **Hoàng Minh C** – sinh năm 1956.

Địa chỉ: 140B/28 đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

18. **Đương Hoàng T** – sinh năm 1963.

Địa chỉ: 105/7A đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

19. **Nguyễn Thị H** – sinh năm 1940.

Địa chỉ: 112/12 đường 3/2, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

20. **Huỳnh Văn B** – sinh năm 1953.

Địa chỉ: 71 đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

21. **Tăng Long B** – sinh năm 1957.

Địa chỉ: 45 đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

22. **Nguyễn Minh T** – sinh năm 1955.

Địa chỉ: 5/3 đường 30/4, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

23. **Nguyễn Văn T** – sinh năm 1959.

Địa chỉ: 73A đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

24. **Vũ Quang L** – sinh năm 1974.

Địa chỉ: 91/6D đường C, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

25. **Nguyễn Thành T** – sinh năm 1976.

Địa chỉ: 91/24B đường 30/4, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

26. **Nguyễn Trung T** – sinh năm 1965.

Địa chỉ: 167/3A khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

27. **Đỗ Hồng N** – sinh năm 1960.

Địa chỉ: 392 đường C, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

28. **Đỗ Đức T** – sinh năm 1957.

Địa chỉ: 44F2/2 khu vực 3, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

29. **Lâm Thế V** – sinh năm 1959 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 81A/2 phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

30. **Huỳnh Tấn L** – sinh năm 1964 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 30/2B đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

31. **Nguyễn Kim X** – sinh năm 1963 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 4/2/42 đường B, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

(Nguyễn Tây Đ và Dư Thành N: có mặt; Lâm Thế V, Huỳnh Tấn L và Nguyễn Kim X có đơn xin vắng mặt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 9/2003, Dư Quang N trực tiếp đứng tên thành lập và làm chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc công ty P; MST 1800535454 (địa chỉ 98 đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ). Ngành nghề: Kinh doanh nông lâm, thủy hải sản; khai thác cát đá; sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng. Đến ngày 14/6/2004, công ty thay đổi tên thành Công ty CP T (địa chỉ 165B đường P, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, đến tháng 9/2004, tiếp tục thay đổi địa chỉ trụ sở về 247 đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ)

Ngoài việc thành lập và điều hành hoạt động của công ty CP T, tháng 9/2004, Dư Quang N còn nhận chuyển nhượng Công ty TNHH V, từ Đỗ Hữu T rồi thuê con rể là Nguyễn Tây Đ đứng tên làm giám đốc công ty từ tháng 9/2004 đến tháng 1/2005, sử dụng chứng minh nhân dân của con ruột là Dư Thành N để đăng ký thành viên công ty. Sau đó Nguyễn Tây Đ không làm giám đốc nữa nên N thuê Nguyễn Hồng P làm giám đốc công ty từ tháng 1/2005 đến 6/2005 thì làm thủ tục xin giải thể doanh nghiệp.

Trong quá trình thành lập, điều hành và quản lý hoạt động của công ty CP T và công ty TNHH V, Dư Quang N không hoạt động, sản xuất kinh doanh mà chủ yếu sử dụng pháp nhân của hai doanh nghiệp này để trực tiếp hoặc thông qua trung gian xuất

bán hóa đơn cho các cá nhân, doanh nghiệp khác sử dụng để kê khai khấu trừ thuế, nhằm hưởng lợi bất chính.

Đối với công ty CP T: Cơ quan điều tra đã đối chiếu, thu thập và xác định được bị cáo Dur Quang N đã xuất bán trái phép **241** hóa đơn GTGT (trong tổng số 382 hóa đơn mà bị cáo đã sử dụng) cho 41 doanh nghiệp, với giá trị hàng hóa chưa thuế là 53.767.250.932 đồng, thuế GTGT 2.732.904.141 đồng, giá trị hàng hóa bao gồm thuế là 56.500.155.073 đồng, hưởng lợi bất chính số tiền từ 1- 5% giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn, tương đương số tiền **594.860.426 đồng**.

Đối với công ty TNHH V: Cơ quan điều tra Công an quận N xác định được Dur Quang N xuất bán trái phép **124** hóa đơn GTGT (trong tổng số 303 hóa đơn mà bị cáo đã sử dụng) cho 31 doanh nghiệp với giá trị hàng hóa chưa thuế là 26.941.214.384 đồng, thuế giá trị gia tăng là 1.347.060.719 đồng, tổng giá trị hàng hóa 28.288.275.103 đồng. Thu lợi bất chính số tiền khoảng **269.412.144 đồng**.

Trong số các hóa đơn bị cáo xuất bán cho các doanh nghiệp, có những hóa đơn xuất bán qua người trung gian như Nguyễn Văn D, tuy nhiên quá trình điều tra chỉ xác định được 08 hóa đơn bị cáo xuất bán cho Nguyễn Văn D nên chưa đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Văn D.

Số lượng hóa đơn còn lại: Dur Quang N đã xuất bán cho các doanh nghiệp, tuy nhiên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ xác định bị cáo mua bán hưởng lợi trái phép do sự việc xảy ra đã lâu, bị cáo đã lớn tuổi không nhớ rõ sự việc nên không xác định được (của công ty T là 141 hóa đơn; công ty V là 179 hóa đơn)

Ngoài ra, để hợp thức hóa đầu vào cho hai công ty nêu trên, Dur Quang N còn mua hóa đơn của các doanh nghiệp khác để hợp thức hóa đầu vào, cụ thể:

Công ty T: N mua vào 124 hóa đơn của 16 doanh nghiệp, với giá trị hàng hóa chưa thuế là 62.664.120.063 đồng, thuế GTGT 3.365.109.677 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế là 66.029.229.740 đồng.

Công ty V: N mua vào 71 hóa đơn của 11 doanh nghiệp với giá trị hàng hóa chưa thuế là: 27.349.056.032 đồng, thuế GTGT là: 1.359.949.320 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế là 28.745.005.352 đồng.

Dur Quang N đã thực hiện việc kê khai, nộp thuế và báo cáo sử dụng hóa đơn cho công ty CP T và công ty TNHH V tại Chi cục thuế quận N đến tháng 6/2005 thì ngưng hoạt động, sau đó làm thủ tục giải thể doanh nghiệp và bỏ trốn khỏi địa phương.

Tại cơ quan điều tra, Dur Quang N khai nhận: N là người trực tiếp đứng tên thành lập, làm giám đốc điều hành, quản lý hoạt động của hai công ty trên, thuê người thân đứng tên giám đốc công ty, nhằm mục đích là sử dụng pháp nhân của hai doanh nghiệp này để mua hóa đơn GTGT của cơ quan thuế, sau đó ghi, xuất hóa đơn GTGT không hàng hóa dịch vụ thực tế cho các cá nhân, doanh nghiệp khác sử dụng, để thu lợi bất chính. Hành vi trên chỉ do một mình N thực hiện, các cá nhân được N thuê làm giám đốc như Nguyễn Tây Đ, Nguyễn Hồng P, Dur Thành N chỉ đứng tên pháp nhân đại diện cho công ty để ký các hợp đồng, ủy nhiệm chi; kế toán là Hà Thị Anh Đ, Vương Ngọc G thực hiện việc báo cáo thuế theo từng đợt báo cáo, tất cả các công việc trên đều theo sự

chỉ đạo, phân công của N, các cá nhân trên không tham gia mua bán hóa đơn GTGT cùng N. Dư Quang N cũng khai nhận, trước đây vì lo sợ hành vi phạm tội bị phát hiện, sợ bị bắt và các doanh nghiệp gây áp lực đòi lại tiền nên đã bỏ trốn khỏi địa phương cho đến khi bị bắt truy nã vào ngày 12/3/2018 khi đang lẩn trốn tại ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Các hồ sơ chứng từ và con dấu liên quan đến hoạt động của 2 công ty trên N đã làm thất lạc trong quá trình lẩn trốn.

Đối với các cá nhân, doanh nghiệp có liên quan đến việc sử dụng hóa đơn của Công ty T và công ty V, hầu hết đều khai nhận hoàn toàn không có mua bán hàng hóa, sử dụng dịch vụ của hai công ty này, không quen biết Dư Quang N, Nguyễn Tây Đ, Nguyễn Hồng P. Các cá nhân, doanh nghiệp đều cho rằng có mua bán hàng hóa thực tế và được bên bán cung cấp các hóa đơn của doanh nghiệp nêu trên, do không kiểm tra nên không biết rõ về nguồn gốc các hóa đơn đã sử dụng kê khai báo cáo thuế cho doanh nghiệp là hóa đơn bất hợp pháp của công ty T và công ty V. Hiện nay, phần lớn các doanh nghiệp trên đều ngưng hoạt động hoặc có thông báo bỏ địa chỉ kinh doanh của cơ quan thuế. Tương tự, các doanh nghiệp bán hóa đơn cho bị cáo, qua tra cứu cho thấy các doanh nghiệp này đã ngừng hoạt động, không thể tiến hành làm việc được, nên không có căn cứ để xử lý.

Thông kê được cụ thể 41 doanh nghiệp, công ty có mua hóa đơn với công ty CP T và số tiền thu lợi bất chính bị cáo hưởng:

1. HTX khai thác cát N, số lượng **03** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 1.454.761.905 đồng, thuế GTGT: 72.738.095 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 1.527.500.000 đồng. Hưởng lợi số tiền 3% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền **43.642.857 đồng**.

2. Công ty đầu tư xây dựng số 10 I, số lượng **04** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 239.894.975 đồng, thuế GTGT: 11.994.749 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 251.889.724 đồng. Hưởng lợi số tiền 5% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **11.994.749 đồng**.

3. Công ty CP phát triển K, số lượng **03** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 348.140.000 đồng, thuế GTGT: 17.407.000 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 365.547.000 đồng. Hưởng lợi số tiền 5% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền **17.407.000 đồng**.

4. Công ty TV TK XD A, số lượng **01** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 114.282.000 đồng, thuế GTGT: 5.714.100 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 119.996.100 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 5% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **5.714.100 đồng**.

5. Công ty TNHH V, số lượng **08** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 688.277.780 đồng, thuế GTGT: 38.195.164 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 726.472.944 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **6.882.778 đồng**.

6. Công ty CP xây dựng S, số lượng **04** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 304.665.000 đồng, thuế GTGT: 21.533.250 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 326.198.250 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **3.046.650 đồng**.

7. Công ty SCXDCT CK GT 721, số lượng **06** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 732.439.052 đồng, thuế GTGT: 36.621.953 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 769.061.005 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **7.324.391 đồng**.

8. Xí nghiệp xây dựng H, số lượng **11** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 634.198.547 đồng, thuế GTGT: 42.951.527 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 677.150.074 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **6.341.985 đồng**.

9. Cơ sở Huỳnh Xuân V, số lượng **01** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 317.950.500 đồng, thuế GTGT: 15.897.525 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 333.848.025 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **3.179.505 đồng**.

10. Công ty TNHH TM VT N, số lượng **02** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 841.000.000 đồng, thuế GTGT: 42.050.000 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 883.050.000 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **8.410.000 đồng**.

11. DNTN Phước H, số lượng **01** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 317.345.050 đồng, thuế GTGT: 15.867.253 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 333.212.303 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **3.173.451 đồng**.

12. Ngô Thị Ngọc L, số lượng **01** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 10.000.000 đồng, thuế GTGT: 1.000.000 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 11.000.000 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **100.000 đồng**.

13. DNTN Chí T 2, số lượng **11** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 4.966.574.220 đồng, thuế GTGT: 248.328.711 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 5.214.902.931 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **49.665.742 đồng**.

14. Cơ sở KD Nguyễn Hải Q, số lượng **22** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 5.561.541.909 đồng, thuế GTGT: 278.077.095 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 5.839.619.004 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **55.615.419 đồng**.

15. DNTN Hữu B, số lượng **31** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 10.596.103.640 đồng, thuế GTGT: 529.805.182 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 11.125.908.822 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **105.961.036 đồng**.

16. DNTN Kiều P, số lượng **01** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 366.206.000 đồng, thuế GTGT: 18.310.300 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 384.516.300 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **3.662.060 đồng**.

17. DNTN Nguyễn N, số lượng **02** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 462.525.000 đồng, thuế GTGT: 23.126.250 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 485.651.250 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **4.625.250 đồng**.

18. DNTN Trần Văn K, số lượng **04** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 795.082.720 đồng, thuế GTGT: 39.754.136 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 834.836.856 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **7.950.827 đồng**.

19. Công ty TNHH Chúc P, số lượng **08** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 1.223.742.921 đồng, thuế GTGT: 61.187.146 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 1.284.930.067 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **12.237.429 đồng**.

20. Công ty NSTP XK TP H, số lượng **14** hóa, với giá trị hàng hóa chưa thuế 3.130.753.000 đồng, thuế GTGT: 156.537.650 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 3.287.290.650 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **31.307.530 đồng**.

21. Công ty TNHH T&H, số lượng **02** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 391.362.674 đồng, thuế GTGT: 25.742.268 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 417.104.942 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **3.913.627 đồng**.

22. Công ty TNHH Uy V, số lượng **04** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 901.538.757 đồng, thuế GTGT: 58.621.523 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 960.160.280 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **9.015.388 đồng**.

23. DNTN Ánh L, số lượng **01** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 50.000.000 đồng, thuế GTGT: 5.000.000 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 55.000.000 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **500.000 đồng**.

24. Công ty TNHH Mỹ Thuận T, số lượng **08** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 2.958.420.100 đồng, thuế GTGT: 147.921.005 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 3.106.341.105 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **29.584.201 đồng**.

25. Công ty TNHH Thuận P, số lượng **05** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 1.558.107.500 đồng, thuế GTGT: 77.905.375 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 1.636.012.875 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **15.581.075 đồng**.

26. Chi nhánh DNTN H, số lượng **04** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 538.998.825 đồng, thuế GTGT: 26.949.941 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 565.948.766 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **5.389.988 đồng**.

27. DNTN Đức T, số lượng **02** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 442.118.250 đồng, thuế GTGT: 22.105.913 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 464.224.163 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **4.421.183 đồng**.

28. DNTN Ngon L, số lượng **18** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 2.696.825.151 đồng, thuế GTGT: 134.841.258 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 2.831.666.409 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **26.968.252 đồng**.

29. DNTN Nguyễn C, số lượng **06** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 1.727.216.000 đồng, thuế GTGT: 86.360.800 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 1.813.576.800 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **17.272.160 đồng**.

30. DNTN Phát M, số lượng **01** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 270.057.000 đồng, thuế GTGT: 13.502.850 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 283.559.850 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **2.700.570 đồng**.

31. DNTN Tấn P, số lượng **07** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 1.588.963.250 đồng, thuế GTGT: 79.448.163 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 1.668.411.413 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **15.889.633 đồng**.

32. DNTN Tấn P1, số lượng **09** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 1.781.331.990 đồng, thuế GTGT: 89.066.600 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 1.870.398.590 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **17.813.320 đồng**.

33. DNTN Thái N, số lượng **14** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 2.433.202.815 đồng, thuế GTGT: 121.660.141 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 2.554.862.956 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **24.332.028 đồng**.

34. DNTN Tấn T, số lượng **04** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 1.003.160.250 đồng, thuế GTGT: 50.158.013 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 1.053.318.263 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **10.031.603 đồng**.

35. PX5 XNLT Cao L, số lượng **01** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 196.870.660 đồng, thuế GTGT: 9.843.533 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 206.714.193 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **1.968.707 đồng**.

36. DNTN Phúc L 3, số lượng **01** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 270.433.800 đồng, thuế GTGT: 13.521.690 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 283.955.490 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **2.704.338 đồng**.

37. DNTN Hải L, số lượng **01** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 130.952.381 đồng, thuế GTGT: 6.547.619 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 137.500.000 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **1.309.524 đồng**.

38. DNTN Phước H, số lượng **03** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 591.196.500 đồng, thuế GTGT: 29.559.825 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 620.756.325 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **5.911.965 đồng**.

39. Công ty TNHH MTV XL An G, số lượng **05** hóa, với giá trị hàng hóa chưa thuế 25.743.710 đồng, thuế GTGT: 1.287.186 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 27.030.896 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **257.437 đồng**.

40. DNTN Phước L, số lượng **06** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 1.095.267.100 đồng, thuế GTGT: 54.763.355 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 1.150.030.455 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **10.952.671 đồng**.

41. Đặng Thị H, số lượng **01** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 10.000.000 đồng, thuế GTGT: 1.000.000 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 11.000.000 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **100.000 đồng**.

Thống kê được có 31 công ty, doanh nghiệp mua hóa đơn GTGT của công ty V và số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo hưởng cụ thể:

1. Công ty CP T, số lượng **07** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 599.938.306 đồng, thuế GTGT: 29.996.915 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 629.935.221 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **5.999.383 đồng**.

2. Cơ sở Huỳnh Xuân V, số lượng **02** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 507.680.000 đồng, thuế GTGT: 25.384.000 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 533.064.000 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **5.076.800 đồng**.

3. DNTN Vĩnh P, số lượng **01** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 162.172.838 đồng, thuế GTGT: 8.108.642 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 170.281.480 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **1.621.728 đồng**.

4. DNTN TM Khang H, số lượng **09** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 3.637.507.001 đồng, thuế GTGT: 181.875.350 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế

3.819.382.351 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **36.375.070 đồng**.

5. Công ty sửa chữa XD CTGT 721, số lượng **11** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 4.719.928.451 đồng, thuế GTGT: 235.996.423 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 4.955.924.874 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **47.199.285 đồng**.

6. Công ty CP XD TP C, số lượng **03** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 90.205.540 đồng, thuế GTGT: 4.510.277 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 94.715.817 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **902.055 đồng**.

7. Nhà máy xay xát 22/12, số lượng **01** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 516.563.950 đồng, thuế GTGT: 25.828.198 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 542.392.148 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **5.165.640 đồng**.

8. Công ty TNHH TM và XD Tây Đ, số lượng **02** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 268.999.859 đồng, thuế GTGT: 13.449.993 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 282.449.852 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **2.689.999 đồng**.

09. DNTN Tân T, số lượng **05** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 994.203.000 đồng, thuế GTGT: 49.710.150 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 1.043.913.150 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **9.942.030 đồng**.

10. DNTN Tấn T1, số lượng **04** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 807.288.500 đồng, thuế GTGT: 40.364.425 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 847.652.925 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **8.072.885 đồng**.

11. DNTN Thạnh P, số lượng **01** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 8.460.000 đồng, thuế GTGT: 423.000 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 8.883.000 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **84.600 đồng**.

12. DNTN Thanh V, số lượng **04** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 749.217.300 đồng, thuế GTGT: 37.460.865 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 786.678.165 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **7.492.173 đồng**.

13. DNTN Thượng H, số lượng **03** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 623.946.000 đồng, thuế GTGT: 31.197.300 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 655.143.300 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **6.239.460 đồng**.

14. DNTN Tấn P1, số lượng **01** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 199.375.740 đồng, thuế GTGT: 9.968.787 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế

209.344.527 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **1.993.757 đồng**.

15. DNTN Phước T, số lượng **04** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 416.295.403 đồng, thuế GTGT: 20.814.770 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 437.110.173 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **4.162.954 đồng**.

16. DNTN Thành N, số lượng **20** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 3.159.385.307 đồng, thuế GTGT: 157.969.265 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 3.317.354.572 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **31.593.853 đồng**.

17. DNTN Phước H II, số lượng **02** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 383.599.000 đồng, thuế GTGT: 19.179.950 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 402.778.950 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **3.835.990 đồng**.

18. DNTN Hòa T, số lượng **02** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 467.110.010 đồng, thuế GTGT: 23.355.501 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 490.465.511 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **4.671.100 đồng**.

19. DNTN Ngon L, số lượng **02** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 354.603.880 đồng, thuế GTGT: 17.730.194 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 372.334.074 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **3.546.039 đồng**.

20. DNTN Phước T, số lượng **02** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 151.725.750 đồng, thuế GTGT: 7.586.288 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 159.312.038 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **1.517.258 đồng**.

21. Công ty TNHH Thuận P, số lượng **05** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 1.393.045.700 đồng, thuế GTGT: 69.652.285 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 1.462.697.985 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **13.930.457 đồng**.

22. Công ty TNHH Hòa Hiệp P, số lượng **01** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 13.590.000 đồng, thuế GTGT: 679.500 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 14.269.500 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **135.900 đồng**.

23. DNTN Tấn P, số lượng **02** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 614.235.740 đồng, thuế GTGT: 30.711.787 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 644.947.527 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **6.142.357 đồng**.

24. DNTN Phát M, số lượng **08** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 1.361.739.300 đồng, thuế GTGT: 68.086.965 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế

1.429.826.265 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **13.617.393 đồng**.

25. XN CB kinh doanh lương thực 3, số lượng **02** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 439.884.419 đồng, thuế GTGT: 21.994.221 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 461.878.640 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **4.398.844 đồng**.

26. DNTN Phương H, số lượng **04** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 822.260.000 đồng, thuế GTGT: 41.113.000 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 863.373.000 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **8.222.600 đồng**.

27. DNTN Hiệp T A, số lượng **04** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 645.011.660 đồng, thuế GTGT: 32.250.583 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 677.262.243 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **6.450.117 đồng**.

28. CN DNTN Phước H II, số lượng **04** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 760.460.900 đồng, thuế GTGT: 38.023.045 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 798.483.945 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **7.604.609 đồng**.

29. DNTN Tân Tiến L, số lượng **02** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 640.000.000 đồng, thuế GTGT: 32.000.000 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 672.000.000 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **6.400.000 đồng**.

30. DNTN Phước Thuận L, số lượng **04** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 881.000.000 đồng, thuế GTGT: 44.050.000 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 925.050.000 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **8.810.000 đồng**.

31. DNTN Phước L I, số lượng **02** hóa đơn, với giá trị hàng hóa chưa thuế 551.780.830 đồng, thuế GTGT: 27.589.042 đồng, tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế 579.369.872 đồng. Hưởng lợi số tiền khoảng 1% tổng giá trị hàng hóa chưa thuế tương đương số tiền khoảng **5.517.808 đồng**.

Quá trình điều tra, có 09 cá nhân, doanh nghiệp có liên quan đến việc mua bán hóa đơn với Dư Quang N, đã tự nguyện nộp khắc phục lại tiền thuế tại cơ quan điều tra, với số tiền tổng cộng là **268.362.842 đồng** cụ thể:

1. Phan Thị Hồng M - Đại diện Công ty CP xây dựng C nộp số tiền: 10.313.487 đồng.

2. Nguyễn Phương B - Đại diện Công ty công trình giao thông H nộp số tiền: 8.477.750 đồng.

3. Trần Thị Đ - Đại diện Công ty CP da Tây Đ nộp số tiền: 449.350 đồng.

4. Trần Hoài N - HTX N nộp số tiền: 73.980.228 đồng.

5. Võ Minh T - Đại diện Xí nghiệp khai thác cát Cataco nộp số tiền: 1.860.000 đồng.

6. Nguyễn Hiếu T - Đại diện Xí nghiệp khai thác cát Cataco nộp số tiền: 1.360.000 đồng.

7. Nguyễn Việt T - Đại diện Xí nghiệp khai thác cát Cataco nộp số tiền: 100.185.000 đồng.

8. Dương Hoàng T - Đại diện Công ty xây lắp và kinh doanh phát triển nhà Cần Thơ nộp số tiền: 1.570.000 đồng.

9. Huỳnh Văn B - Đại diện Công ty sửa chữa, xây dựng công trình giao thông 721 nộp số tiền: 70.167.027 đồng.

Tại bản cáo trạng số 246/CT - VKS ngày 06 tháng 09 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân quận N đã truy tố Dư Quang N về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Dư Quang N về tội Mua bán trái phép hóa đơn đã được nêu trong Cáo trạng, đại diện Viện kiểm sát cho rằng động cơ phạm tội của bị cáo là tham lam, ý thức phạm tội là cố ý nên phải bị xử lý nghiêm, đồng thời cũng đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Có thái độ thành khẩn khai báo, bản thân từ trước đến nay chưa có tiền án, tiền sự, gia đình có cha là liệt sĩ, mẹ và ông nội đều là người có công với cách mạng; Về hình phạt đề nghị áp dụng điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203, điểm s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo mức án tù 1 năm 06 tháng đến 02 năm tù giam. Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 864.272.573 đồng. Đề nghị sung công quỹ số tiền 268.362.842 đồng mà các doanh nghiệp đã nộp khắc phục tiền thuế cơ quan điều tra.

Luật sư Đỗ Vinh Q phát biểu bào chữa cho bị cáo:

Thông nhất về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo, tuy nhiên, theo Luật sư, mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là quá nghiêm khắc vì, về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, gia đình có truyền thống cách mạng, cha là liệt sĩ. Hành vi của bị cáo trước đây là nguy hiểm cho xã hội nhưng do chuyển biến của tình hình xã hội nay không còn nguy hiểm nữa. Bị cáo còn mẹ già đã lớn tuổi, hoàn cảnh gia đình khó khăn... Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức án thật khoan hồng cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của Nhà nước đối với con em gia đình chính sách mà an tâm cải tạo, sửa chữa lỗi lầm. Luật sư đề nghị xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đó là các tình tiết: phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và gia đình có công với cách mạng, tuyên phạt bị cáo mức án bằng với thời hạn tạm giam là 11 tháng 13 ngày tù, thả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Bị cáo Dư Quang N: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, bị cáo cho rằng mục đích khi thành lập công ty là để có pháp nhân hợp thức hóa các chứng từ trong quá trình thi công các công trình, nhưng sau đó không hoạt động thi công nữa mà chỉ xuất bán hóa đơn cho các doanh nghiệp để hưởng lợi trên số tiền ghi trên hóa đơn. Bị cáo thống nhất với quan điểm bào chữa của Luật sư, không có tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ để có cơ hội cải tạo ngoài xã hội, nuôi mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với kết luận điều tra, phù hợp với chứng cứ, tài liệu khác đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, chứng minh được nội dung vụ án là có thật: Từ tháng 9/2003, Dư Quang N đã tự đứng ra thành lập công ty CP P, sau đó đổi tên thành công ty CP T; Tháng 9/2004, tiếp tục nhận chuyển nhượng lại công ty TNHH V (từ Đỗ Hữu Thống), cả hai công ty này đều do Dư Quang N trực tiếp điều hành nhằm mục đích là để xuất bán hóa đơn giá trị gia tăng của cơ quan thuế cho các cá nhân, công ty, doanh nghiệp khác làm chứng từ để báo cáo, khấu trừ thuế. Mỗi hóa đơn bán ra, bị cáo hưởng từ 1-5 % trên số tiền hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn, mà không có hoạt động kinh doanh, mua bán thật.

Từ khi thành lập cho đến khi làm thủ tục giải thể công ty (tháng 6/2005), Dư Quang N đã xuất bán trái phép **241** hóa đơn GTGT (trong tổng số 382 hóa đơn GTGT đã sử dụng) của công ty CP T cho 41 doanh nghiệp, với giá trị hàng hóa chưa thuế là 53.767.250.932 đồng, thuế GTGT là 2.732.904.141 đồng, hưởng lợi bất chính 1- 5% giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn (tùy vào từng hóa đơn cụ thể), tương đương số tiền **594.860.426 đồng**. Đối với công ty TNHH V, Dư Quang N đã xuất bán trái phép **124** hóa đơn GTGT (trong tổng số 303 hóa đơn đã sử dụng), cho 31 doanh nghiệp với giá trị hàng hóa chưa thuế là **26.941.214.384** đồng, thuế GTGT là 1.347.060.719 đồng, cũng hưởng lợi từ 1-5% trên số tiền hàng hóa chưa thuế, tương đương số tiền **269.412.144 đồng**.

(Danh sách các công ty, doanh nghiệp mua hóa đơn của công ty CP T và công ty TNHH V cùng số tiền bị cáo hưởng lợi cụ thể trên từng hóa đơn đã được liệt kê tại phần nội dung).

Trong thời gian gần 2 năm, bị cáo đã xuất bán trái phép từ 2 công ty T và V tổng cộng 365 hóa đơn GTGT có ghi nội dung, cho 72 doanh nghiệp, với tổng số tiền hàng hóa chưa thuế là 80.708.465.316 đồng (tám mươi tỉ, bảy trăm lẻ tám triệu, bốn trăm sáu mươi lăm ngàn, ba trăm mười sáu đồng), nhưng không có hàng hóa kèm theo, hưởng lợi bất chính số tiền **864.272.573** đồng, gây thiệt hại về tiền thuế cho ngân sách nhà nước số tiền **4.079.964.860** đồng, do vậy, đã đủ yếu tố cấu thành tội “mua bán trái phép hóa đơn” tương ứng với các tình tiết định khung tại các điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo đã thực hiện là vào giai đoạn từ 2003 – 2005, trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực, tuy nhiên do quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự 2015 là quy định có lợi cho bị cáo so với hình phạt quy định tại Điều 164a Bộ luật hình sự năm 1999, nên Viện kiểm sát nhân dân quận N áp dụng Nghị quyết số 41/2017 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015, theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo để truy tố Dư Quang N về tội “ mua bán trái phép hóa đơn” theo khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước đối với các loại hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách do Nhà nước phát hành, gây thiệt hại lớn cho ngân sách nhà nước. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, lường trước được hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần phải bị xử lý nghiêm, là cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian bằng hình phạt tù để bị cáo có thời gian cải tạo sửa chữa bản thân, sống biết tuân thủ pháp luật.

[3] Về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đại diện Viện kiểm sát cũng như Luật sư bào chữa cho bị cáo đều có yêu cầu áp dụng cho bị cáo được các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, gia đình có cha là liệt sĩ, mẹ là người có công với cách mạng. Xét các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo theo điểm s và gia đình có công với cách mạng theo x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, Hội đồng xét xử thống nhất xem xét, áp dụng cho bị cáo. Tuy nhiên đối với yêu cầu của Luật sư về việc áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo đó là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về mức lượng hình đối với bị cáo: Hội đồng xét xử đã rất cân nhắc trong việc xem xét đánh giá các tình tiết giảm nhẹ về nhân thân mà bị cáo được hưởng, song song với đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nhằm tuyên một mức án phù hợp, có sức răn đe, giúp bị cáo nhận thức được lỗi lầm và cải tạo tốt, đồng thời cũng là biện pháp phòng ngừa trong xã hội. Qua xem xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo (từ 1 năm 6 tháng đến 2 năm tù) cho thấy, đây là một mức đề nghị chưa phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, bởi: Theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 10/2013 ngày 26/6/2013 - hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực thuế, tài chính- kế toán và chứng khoán, thì hành vi của bị cáo Dư Quang N thuộc trường hợp nghiêm trọng, mua bán hóa đơn có ghi nội dung với số lượng rất lớn (từ 30 số trở lên - bị cáo bán tổng cộng đến 365 số hóa đơn), cho rất nhiều cá nhân, doanh nghiệp (72 cá nhân, doanh nghiệp), gây hậu quả rất nghiêm trọng (gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước từ 500 triệu đồng trở lên - bị cáo gây thiệt hại số tiền đến 4.079.964.860 đồng), thu lợi bất chính số tiền rất lớn (có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên - bị cáo thu lợi bất chính đến 864.272.573 đồng). Bị cáo tuy có nhân thân tốt, gia đình có công với cách mạng, nhưng thực hiện hành vi phạm tội trong một thời gian dài, gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngân sách nhà

nước. Và đối với các hậu quả đã gây ra, bị cáo chưa nộp lại phần tiền nào nhằm khắc phục thiệt hại, khi thực hiện xong hành vi phạm tội lại bỏ trốn cho đến khi bị bắt, đây tuy không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội nhưng cho thấy bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật. Do vậy, cần có một hình phạt nghiêm khắc hơn, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi và hậu quả mà bị cáo đã thực hiện để bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, đồng thời là bài học răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Đồng thời, bên cạnh hình phạt tù, cần buộc bị cáo nộp lại số tiền đã thu lợi bất chính là 864.272.573 đồng.

[5] Tương tự, đối với ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có mẹ già cần nuôi dưỡng, hành vi phạm tội của bị cáo trước đây là nguy hiểm cho xã hội nhưng nay không còn nguy hiểm nữa, nên đề nghị xử phạt bị cáo mức án nhẹ bằng thời hạn tạm giam là 11 tháng 13 ngày tù là không có căn cứ, bởi hoàn cảnh khó khăn, phải nuôi cha mẹ không phải là tình tiết giảm nhẹ hoặc là động cơ buộc bị cáo phải phạm tội. Về mức độ nguy hiểm cho xã hội, tuy hiện nay mức án đối với tội danh này có thay đổi theo hướng có lợi cho bị cáo so với trước đây, nhưng không phải là không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, cho đến hiện nay loại tội phạm này vẫn là loại tội phạm mà Nhà nước ta đã và đang có nhiều biện pháp để loại trừ... do vậy, không thể xem xét áp dụng mức án cũng như những tình tiết giảm nhẹ mà Luật sư đã đề ra để bào chữa cho bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Số tiền 268.362.842 đồng do các cá nhân, doanh nghiệp có liên quan đến việc mua bán hóa đơn với bị cáo. Tự nguyện đến nộp tại cơ quan điều tra là tiền để khắc phục thiệt hại cho ngân sách nhà nước nên cần tịch thu sung công quỹ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố: Dur Quang N phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước”.

* Áp dụng: điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203; điểm s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Dur Quang N: 02 năm 06 tháng tù giam.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/3/2018

- Buộc bị cáo phải nộp số tiền thu lợi bất chính là: **864.272.573 đồng.**

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Sung công quỹ số tiền **268.362.842** do các cá nhân, doanh nghiệp nộp trong quá trình điều tra.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Cơ quan THAHS CAQNK;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận N;
- TAND TPCT;
- THA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Huệ